

VÀI NHẬN XÉT VỀ CÂU PHỦ ĐỊNH TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH

Trần Thủy Vịnh

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn

(Bài nhận ngày 03/04/2000)

TÓM TẮT : Trong một chừng mực nào đó, các ngôn ngữ có cấu trúc, cách diễn đạt tương tự như nhau nhưng đồng thời mỗi ngôn ngữ lại có nét khác biệt, đặc trưng riêng. Việc tư duy theo ngôn ngữ mẹ đẻ và áp dụng một cách máy móc vào ngoại ngữ mình đang học đã làm cho một số học viên thường nói nhiều câu "không xuôi tai" hoặc lệch nghĩa. Vì vậy bài viết này nhằm so sánh và đối chiếu một số khác biệt trong cách nói phủ định giữa hai ngôn ngữ Anh-Việt, qua đó nhằm giúp học viên phần nào tránh được những sai sót khi chuyển dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt hoặc ngược lại. Ở đây, ta chỉ đề cập đến những học viên nước ngoài học tiếng Việt là người bản ngữ tiếng Anh.

I. THỰC TẾ KHẢO SÁT

Sau đây là một số trường hợp khác biệt qua thực tế khảo sát khi dạy tiếng Việt cho người bản ngữ tiếng Anh. Ta tạm phân loại chúng theo các yếu tố ngữ âm, từ vựng và cấu trúc như sau :

1. Ngữ âm

1.1 Ngữ điệu và nghĩa trong câu hỏi

Trong tiếng Anh, ở các câu hỏi đuôi (question tag), khi nói ta có thể diễn tả được nghĩa chính xác của nó bằng ngữ điệu. Nếu ta thực sự muốn biết về một điều gì đó thì ta phải lên giọng ở cuối câu hỏi : *The meeting is at four o'clock, isn't it?*

Cuộc họp bắt đầu lúc 4 giờ, phải không ?

Còn nếu ta đã đồng ý với câu trả lời và chỉ "kêu gọi" sự đồng tình của người nghe thì ta xuống giọng ở cuối câu hỏi: *It's a beautiful day, isn't it?*

Trời đẹp nhỉ (?)

1.2 Trọng âm và nghĩa của câu

Trong một câu phủ định, *not* có thể tác động vào các phần khác nhau của câu

(1a) *Bob didn't write to Sue yesterday (He phoned her)*

(2a) *Bob didn't write to Sue yesterday (He wrote to Ann)*

(3a) *Bob didn't write to Sue yesterday (He wrote this morning)*

(4a) *Bob didn't write to Sue yesterday (It's Allan who wrote to Sue)*

Trong tiếng Anh, khi nói nghĩa cụ thể của câu được xác định bằng cách **nhấn mạnh vào từ hoặc cụm từ** mà từ **phủ định không tác động vào**. Còn trong khi viết, nghĩa của câu được xác định bởi ngữ cảnh hoặc thêm câu để giải thích,

chẳng hạn như :

(1b) *Bob didn't write to Sue yesterday but he phoned her.*

(2b) *Bob didn't write to Sue yesterday but he wrote to Mary.*

(3b) *Bob didn't write to Sue yesterday but he wrote two weeks ago.*

(4b) *Bob didn't write to Sue yesterday but it's Allan who wrote to Sue.*

Trong tiếng Việt với câu như trên, ta không cần viết thêm một câu nữa để giải thích mà chỉ cần đặt từ phủ định “không phải” vào vị trí thích hợp :

(1c) *Hôm qua, Bob không viết thư cho Sue (*)*

(2c) *Hôm qua, Bob viết thư không phải cho Sue*

(3c) *Bob viết thư cho Sue không phải hôm qua*

(4c) *Hôm qua không phải Bob viết thư cho Sue (*)*

(*) *Thật ra, câu (1c) và (4c) vẫn còn mơ hồ.*

2. Từ vựng

2.1 Từ “chưa” trong câu hỏi và câu trả lời:

Trong tiếng Việt, từ **chưa** trong câu hỏi biểu thị ý muốn hỏi về một điều mà cho đến một lúc xác định nào đó không biết có xảy ra hay không. Nó tương đương với từ **yet** trong tiếng Anh. Còn trong câu trả lời, **chưa** biểu thị ý phủ định đối với một điều mà cho đến một lúc nào đó không có hoặc không xảy ra. Nó tương đương với **not yet**.

_ Have you received a letter form him yet?

Chị đã nhận thư của anh ta chưa?

_ Not yet.

Chưa

2.2 Phủ định của từ “can”

2.2.1 Trong tiếng Việt cùng biểu thị ý nghĩa chỉ khả năng, ta có các phó từ **được, nổi, xuể**.

_ *Được* : nêu khả năng thực hiện các hoạt động với những đối tượng (sự việc, công việc) bình thường. Ví dụ : *Tôi làm được việc này.*

_ *Nổi* : nêu khả năng thực hiện các hoạt động với những đối tượng (sự việc, công việc) có tính chất khó khăn đòi hỏi chủ thể phải có khả năng phải cố gắng cao mới thực hiện được. Ví dụ : *Việc này rất khó mà anh ta cũng làm nổi*

_ *Xuế* : nêu khả năng hoạt động đối với những đối tượng (sự việc, công việc) có khối lượng quá lớn, quá nhiều làm cho chủ thể khó có thể thực hiện được. Và xuế thường được dùng ở dạng phủ định. Ví dụ : *Việc nhà nhiều quá, cô ấy làm không xuế.*

Do vậy, một câu phủ định trong tiếng Anh : (5) *I can't do this work*

tùy theo sự phân biệt mức độ của sự việc, công việc mà ta có thể chuyển dịch như sau:

(5a) *Tôi không làm được việc này.*

(5b) *Tôi không làm nổi việc này.*

(5c) *Tôi làm không xuế việc này.*

2.2.2 Từ "*được*" trong tiếng Việt có hai kết cấu động từ + *được* (a)
được + động từ (b)

Xét câu :

(6) *I can't go*

Câu (6) có thể chuyển dịch sang tiếng Việt thành ba câu sau :

(6a) *Tôi không đi được*

(6b) *Tôi đi không được*

(6c) *Tôi không được đi*

(6a) và (6b) có nét nghĩa khá giống nhau nói về khả năng không thể làm việc gì đó của chủ ngữ nhưng (6a) là câu phủ định toàn bộ nói về khả năng chung hơn (6b).

(6b) có thể là do một nguyên nhân cụ thể nào đó. Còn (6c) biểu thị ý nghĩa không được phép hay không đồng ý như : *Mẹ tôi bảo là tôi không được đi.*

2.3 Hiện tượng phủ định dư với một số loại động từ

2.3.1 Hiện tượng phủ định dư trong tiếng Anh

Trong tiếng Anh một động từ ở dạng phủ định (nhưng không có nghĩa phủ định) đôi khi sử dụng sau những động từ nói lên sự nghi ngờ hay không chắc chắn.

• *I wonder if we shouldn't ask the doctor to look at Mary.*

= *I wonder if we should ask the doctor to look at Mary.*

• *I wonder whether I oughtn't to go and see the doctor*

= *... whether I ought to go.*

• *Are you busy?*

Maybe, I am not busy = Maybe, I am busy.

2.3.2 Hiện tượng phủ định dư trong tiếng Việt

Theo GS. Nguyễn Đức Dân trong tiếng Việt có một lớp động từ như : *quên, thôi, ngừng, kiêng, tránh...* sẽ có bổ ngữ là “*không thực hiện một điều gì đó*”. Nói cách khác động từ “*quên*” chứa đựng nghĩa “*phủ định cụm động từ làm bổ ngữ cho nó*”. Việc có hay không có từ phủ định *không* trước một vị ngữ A không làm thay đổi nghĩa của câu. Chẳng hạn như : *Quên không A = Quên A*

_ *Tôi quên không đội mũ = Tôi quên đội mũ.*

_ *Họ từ chối không ký hợp đồng = Họ từ chối ký hợp đồng.*

2.4 Sự mơ hồ do từ phiếm định :

Quan sát câu sau :

(7) *Ba không gặp ai*

Câu này mơ hồ vì có hai cách hiểu liên quan đến phạm vi tác động của từ phủ định *không*

(8a) *Ba [không gặp] ai ?*

(9a) *Ba [không [gặp ai]]*

Ở câu (5a) từ *không* chỉ tác động vào động từ *gặp* và “*không gặp*” có vai trò của một cụm động từ. Vì vậy (8a) là một câu hỏi. Còn câu (9a), từ *không* tác động vào toàn bộ cụm từ “*gặp ai*” và tạo ra sự phủ định tuyệt đối.

Trong tiếng Anh, câu (7) không thể mơ hồ được vì ta luôn có hai câu nghĩa rất rõ ràng:

(8b) *Whom didn't Ba meet ?*

(9b) *Ba didn't meet anyone.*

Nói cách khác, trong tiếng Anh, *ai* trong câu hỏi là *whom* và trong câu phủ định là *anyone* nên không thể có hiện tượng mơ hồ được.

3. Cấu trúc

3.1 Vị trí từ phủ định

Trong tiếng Anh và tiếng Việt, câu phủ định có thể có sự khác biệt nhau về vị trí của từ phủ định trước một động từ, một danh từ và một trạng từ như trong các ví dụ sau :

(10a) *I don't think that you 've met her*

(10b) *Tôi nghĩ rằng anh đã không gặp cô ấy*

(10c) *Tôi không nghĩ rằng anh đã gặp cô ấy*

Do vị trí của từ *not* (nằm trước động từ thứ nhất chứ không phải động từ thứ

hai) trong câu (10a) mà học viên khi chuyển dịch sang tiếng Việt thường nói câu (10c). Câu này không nghe “xuôi tai” lắm trong Tiếng Việt.

Tương tự ta cũng có :

(11) *I have no money*

Tôi không có tiền

(Không nói : *Tôi có không tiền*)

(12) *I don't feel well.*

(Tôi cảm thấy không khỏe)

(Không nói : *Tôi không cảm thấy khỏe*)

3.2 Sự phủ định trong lời khuyên, lời yêu cầu

Tiếng Anh dùng từ phủ định “*not*” nhưng trong tiếng Việt ta không dùng từ “không” mà dùng các từ như “*đừng*”, “*chớ*”.

(13) Ask Jack, *not* his wife

Hỏi Jack, *đừng* hỏi vợ anh ta.

(không nói: Hỏi Jack, *không* hỏi vợ anh ta)

(14) *Don't* talk so loudly.

Đừng nói lớn quá.

(không nói: *Không* nói lớn quá)

(15) Come early, but *not* before six.

Hãy đến sớm nhưng *đừng* trước 6 giờ.

(không nói: Hãy đến sớm nhưng *không* trước 6 giờ)

3.3 Câu trả lời cho câu hỏi phủ định :

Quan sát câu hỏi sau:

(16) *Hôm qua cô ấy không đến, phải không?*

(She didn't come yesterday, did she?)

Đồng ý: T.V : **Vâng** (= cô ấy không đến)

T.A : **No** (= she didn't come)

Không đồng ý: T.V : **Không** (= cô ấy có đến chứ)

T.A : **Yes** (= she came)

Trong câu trả lời ở tiếng Anh, *yes* cho ta biết động từ của câu trả lời ở thể xác định (affermative) còn *no* cho biết động từ ở thể phủ định (negative) cho dù câu hỏi ở thể “phủ định” hay “xác định”. Thật vậy, ta xét các câu sau :

(16a) *Did she come yesterday?*

(16b) *Didn't she come yesterday?*

đều có câu trả lời là: *yes* (= she came)

hoặc *no* (= she didn't come)

Còn trong tiếng Việt thì *không* phủ định cho toàn bộ câu hỏi phủ định nghĩa là:

Không phải [cô ấy không đến] = cô ấy có đến

Do sự trả lời khác nhau như trên của hai ngôn ngữ mà học viên nước ngoài khi đồng ý thường trả lời *vâng, cô ấy có đến* và ngược lại. Khi dạy, ta cần nhấn mạnh ở điểm này.

3.4 Câu hỏi phủ định có hai nghĩa

Trong tiếng Anh, một câu hỏi phủ định có hai nghĩa hoàn toàn trái ngược nhau.

- Để xác định lại một sự tin tưởng nào đó mà người nói trông chờ câu trả lời là *yes*

Didn't you go and see Helen yesterday? How is she?

(= I believe you went and saw Helen yesterday...)

Hôm qua anh đã đến và thăm Helen rồi chứ? Cô ấy thế nào rồi?

- Nhưng một câu hỏi phủ định cũng có thể diễn tả một sự tin tưởng “phủ định” nào đó. Trong trường hợp này người nói trông chờ câu trả lời là *no*

Don't you feel well? (= Am I right in thinking you don't feel well?)

Bạn cảm thấy không khỏe à?

- Câu hỏi phủ định cũng diễn tả rằng người nói rất ngạc nhiên khi việc gì đó đã không xảy ra.

Didn't the alarm go off ? (I wonder what's wrong with it)

Chuông báo đã hỏng rồi sao?

3.5 Cấu trúc nghi vấn - phủ định trong câu cảm thán, lời mời, yêu cầu, chê trách

Đây là một đặc trưng của tiếng Anh mà tiếng Việt không có.

- Câu cảm thán: _ *Isn't it cold !*

(Trời lạnh ghê!)

_ *Isn't the weather nice !*

(Trời đẹp tuyệt !)

- Lời mời:

We're having a barbecue. Why don't you come?

(Chúng tớ tổ chức tiệc ngoài trời đấy. Đến cho vui nhé?)

Khi dịch sang tiếng Việt ta không thể nói: *Sao anh không đến cho vui (?)*

- Lời yêu cầu lịch sự :

You can't help me for a moment, can you?

Làm ơn giúp tôi một chút đi nhé.

- Lời phàn nàn, chê trách :

_ *Don't you ever listen to what I say ?*

(=you never listen to what I say)

Cậu chẳng bao giờ nghe tớ nói cả

3.6 Phủ định của câu có vị ngữ danh từ

Trong tiếng Việt, có nhiều dạng phủ định cho kiểu câu này. Nhưng chúng ta thường dùng *từ kèm phủ định + phải (là)* chẳng hạn như dạng thức *A không phải (là) B*.

(17a) *Anh ấy không phải là giáo viên*

He is not a teacher

(17b) *Bàn này không phải bằng gỗ.*

This table is not made of wood

(17c) *Sách này không phải của tôi*

This book doesn't belong to me

Học viên khi gặp kiểu câu này thường quên dùng từ *phải* ở dạng câu này cho nên ta cần nhấn mạnh cho học viên biết là cần sử dụng từ *phải* sau từ phủ định *không*

3.7 Phủ định trong các trạng ngữ chỉ thời gian :

Cụm trạng ngữ chỉ thời gian “*Chẳng bao lâu sau...*” có nghĩa trong tiếng Anh là “*It was not long before*” chứ không phải “*It was not long after.*” Ví dụ như :

(18) *Chẳng bao lâu sau, những cây mạ đã đủ lớn để cấy vào ruộng.*

It was not long before the seedlings were big enough to be planted in the field.

Thực ra, *It was not long before* có nghĩa “nôm na” là “*Không có lâu trước khi...*” nghĩa là *chẳng bao lâu sau*. Do vậy khi chuyển dịch ta phải chú ý đến điều này như ví dụ sau :

(19) *It was not long before he got a cheque from his father...*

Không bao lâu sau, anh ta nhận được chi phiếu từ cha anh ta ...

(*Ta không dịch : Không bao lâu trước khi anh ta nhận được chi phiếu từ cha của anh ta ...*)

3.8 Phủ định ngầm(implicit negation)

3.8.1. Câu có hình thức xác định trong tiếng Việt nhưng lại phủ định trong tiếng Anh

(20a) *Our director won't be back from his business trip until Saturday.*

(20b) *Đến thứ bảy, ông giám đốc mới đi công tác về.*

Học viên khi gặp những câu này thường lúng túng (vì *not ... until* trong trường hợp này tương đương với *not before*) và thường nói là ông giám đốc **không đi** công tác mãi đến thứ bảy mới về.

Gặp những trường hợp như thế này ta nên nhắc học viên phải quên đi cấu trúc câu phủ định trong tiếng Anh mà chỉ giữ lại nội dung câu phát ngôn, nhớ lại những câu tiếng Việt trong tình huống tương tự.

3.8.2 Câu có hình thức xác định trong tiếng Anh nhưng có hình thức phủ định trong tiếng Việt :

(21) *It is too dark to see.*

Trời tối quá không thấy được

Trong cấu trúc này, *too* mang nghĩa phủ định (= *so ... not*) do vậy sẽ gây cho học viên lúng túng khi dịch sang tiếng Việt. Ở đây ta cũng gặp sự mơ hồ chẳng hạn như câu (22) dưới đây có thể hiểu theo hai nghĩa (22a) hay (22b)

(22) *He's too stupid to teach*

(Hắn ta dốt quá không thể dạy dỗ được)

(22a) He' too stupid for anyone to teach (He can't be taught)

(22b) He's too stupid to be a teacher. (He can't teach)

3.9 Phủ định câu chứa từ nối :

Cấu trúc “không A và B” nhưng chính cấu trúc này lại có thể hiểu là từ *không* chỉ tác động vào A mà không tác động vào B.

(23a) Hắn không uống và gấp liên tiếp

Có ba cách hiểu câu này :

(23b) Hắn không uống liên tiếp và không gấp liên tiếp

(23c) Hắn không uống và không gấp liên tiếp

(23d) Hắn không uống và hắn gấp liên tiếp

Tiếng Anh hầu như không có sự mơ hồ này, để diễn tả sự phủ định không tác động vào B, người Anh thường dùng cấu trúc “*not A but B*” hoặc “*not A, just B*”

III. KẾT LUẬN

Trong tiếng Anh và tiếng Việt, bên cạnh các câu phủ định có dạng tương đồng còn có nhiều câu khác biệt nhau. Vì vậy trong quá trình giảng dạy tiếng Việt, giáo viên cần phải nhấn mạnh cho học viên thấy rõ sự khác biệt này nhằm gợi ý, giúp cho học viên (học tiếng Việt) đối chiếu, so sánh để việc tiếp thu bài học dễ dàng hơn, nhanh chóng hơn và chính xác hơn.

Mặt khác, do khuôn khổ của bài cũng như chưa có điều kiện để phân tích sâu hơn, bài viết này chỉ mang tính chất liệt kê một số trường hợp khác biệt của các dạng câu phủ định giữa tiếng Việt và tiếng Anh qua thực tế dạy tiếng Việt cho người nước ngoài. Ta cũng thấy sự khác biệt này có cả trên các bình diện ngữ âm, từ vựng và cấu trúc, trong đó yếu tố cấu trúc nổi trội hơn cả.

SOME REMARKS ON NEGATIVE SENTENCES IN VIETNAMESE AND ENGLISH

Tran Thuy Vinh

ABSTRACT : *To some extent, languages have similarities in their structures and expressions but at the same time each language has its own peculiarities and characteristics. Students bring the way of thinking of their mother tongue to studying a foreign language and then apply it mechanically making some of them say many sentences which are “unpleasant to the ear” or have a different meaning.*

Therefore, this paper compares some differences between negative sentences in Vietnamese and English to help students studying Vietnamese avoid to some degree mistakes when they transfer to Vietnamese from English or vice versa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Laurence C. Thompson - *A Vietnamese Grammar* – University of Washington Press, 1965.
- [2] Michael Swan – *Practical English Usage* – Oxford University Press, 1995
- [3] Nguyễn Đức Dân – *Lô gích và tiếng Việt* – Nhà Xuất bản Giáo dục, 1998
- [4] Nguyễn Kim Thán – *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt* – Nhà Xuất bản Giáo dục, 1977